

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN- TNHH MTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

BIÊN BẢN KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

Đơn vị chủ trì: **TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN- TNHH MTV**

Đơn vị được kiểm tra: **CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC GIA ĐỊNH**

1/ Tổ chuyên viên kiểm tra:

Đại diện Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn

Ông Nguyễn An Trường

Chức vụ : Kế toán trưởng Tổng công ty

Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh

Chức vụ : Phó Phòng Kế toán

Bà Huỳnh Thị Hải Yến

Chức vụ : Phó Phòng Kế toán

Ông Võ Hữu Hải

Chức vụ : Kiểm soát viên

Bà Trần Anh Tú

Chức vụ : Phó Chánh Văn phòng

Bà Nguyễn Thị Anh Thoa

Chức vụ : Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh

Đại diện Chi cục Tài chính Doanh nghiệp TPHCM phối hợp kiểm tra

Bà Đoàn Thúy Hiền

Chức vụ : Chuyên viên P. Công nghiệp- XD- Giao thông

2/ Đại diện Doanh nghiệp:

Ông Nguyễn Doãn Sơn

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hùng

Chức vụ : Kế toán trưởng

Ông Trần Du Nam

Chức vụ : Phó Phòng Kế toán

Nội dung và phạm vi kiểm tra:

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2013 do Công ty TNHH MTV Đầu tư địa ốc Gia Định lập ngày 15/03/2014 và các tài liệu có liên quan do Công ty cung cấp.

- Căn cứ Báo cáo kiểm toán năm 2013 số 1112760/AISC-DN3 do Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin Học TP.HCM lập ngày 20/04/2014.

Giới hạn kiểm tra:

- Tổ kiểm tra không chứng kiến kiểm kê tiền, tài sản, hàng tồn kho, các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31/12/2013; không thực hiện đối chiếu xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả; không xác minh tính hợp pháp của hóa đơn, chứng từ kế toán; không xác minh tính thực tế của các thông tin khác liên quan đến Báo cáo tài chính; không kiểm tra Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- Tổ kiểm tra chỉ thực hiện kiểm tra chọn mẫu, căn cứ số liệu Báo cáo tài chính, sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ do đơn vị cung cấp tại thời điểm kiểm tra. Các chỉ tiêu, số liệu tài chính không được kiểm tra: ghi nhận theo báo cáo tài chính của đơn vị.

I. SỐ KIỂM TRA QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Số báo cáo QT	Số kiểm tra QT	Chênh lệch
A. TÀI SẢN			
I. Tài sản ngắn hạn	146,516,123,257	181,257,681,176	34,741,557,919
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	5,359,452,052	5,039,452,052	(320,000,000)
(Tổng số chưa trừ dự phòng)	5,359,452,052	5,039,452,052	(320,000,000)
- Đã dự phòng nợ khó đòi (*)	-	-	-
2. Hàng tồn kho	73,958,169,638	136,067,806,981	62,109,637,343
(Tổng số chưa trừ dự phòng)	73,958,169,638	136,067,806,981	62,109,637,343
- Đã dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-	-
II. Tài sản dài hạn	17,877,815,800	19,562,788,361	1,684,972,561
1. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
(Tổng số chưa trừ dự phòng)	-	-	-
- Đã dự phòng nợ khó đòi (*)	-	-	-
2. Nguyên giá TSCĐ			-
- Số đầu năm	4,399,491,021	4,399,491,021	-
- Số tăng trong năm			-
- Số giảm trong năm	663,783,338	663,783,338	-
- Số cuối kỳ	3,735,707,683	3,735,707,683	-
3. Hao mòn TSCĐ			-
- Số đầu năm	3,676,824,152	3,676,824,152	-
- Số tăng trong năm	272,393,644	272,393,644	-
- Số giảm trong năm	663,783,338	663,783,338	-
- Số cuối kỳ	3,285,434,458	3,285,434,458	-
4. Chi phí XDCB dở dang	-	-	-
5. Bất động sản đầu tư	-	-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-	-
6. Các khoản đầu tư TC dài hạn	16,575,000,000	16,575,000,000	-
(Tổng số chưa trừ dự phòng)	16,575,000,000	16,575,000,000	-
- Đã dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	0	0	-
B. NGUỒN VỐN (I + II)			
I. Nợ phải trả	123,877,520,718	162,566,736,558	38,689,215,840
1. Nợ ngắn hạn	39,985,907,418	78,675,123,258	38,689,215,840
Trong đó:			
1.1. Vay và nợ ngắn hạn:	-		
Trong đó: Vay nước ngoài:			

CHỈ TIÊU	Số báo cáo QT	Số kiểm tra QT	Chênh lệch
1.2. Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn	-		
1.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
- Số đầu năm	(2,030,799,077)	(1,184,708,235)	846,090,842
- Số tăng trong năm		851,500,000	851,500,000
- Số giảm trong năm	1,116,945,300	1,116,945,300	-
- Số cuối năm	(3,147,744,377)	(1,450,153,535)	1,697,590,842
1.4. Quỹ thưởng Ban điều hành			
- Số đầu năm	58,533,779	(65,394,891)	(123,928,670)
- Số tăng trong năm		115,000,000	115,000,000
- Số giảm trong năm	193,346,779	193,346,779	-
- Số cuối năm	(134,813,000)	(143,741,670)	(8,928,670)
2. Nợ dài hạn	83,891,613,300	83,891,613,300	
Trong đó:			
1.1. Vay và nợ dài hạn:	83,429,613,300	83,429,613,300	-
<i>Trong đó: Vay nước ngoài:</i>			
1.2. Dự phòng nợ phải trả dài hạn	-		
1.3. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm			
II. Vốn chủ sở hữu			
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Số đầu năm	37,751,269,171	37,751,269,171	-
- Số tăng trong năm			-
- Số giảm trong năm			-
- Số cuối năm	37,751,269,171	37,751,269,171	-
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>36,414,000,000</i>	<i>36,414,000,000</i>	-
2. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
- Số đầu năm			
- Số tăng trong năm			
- Số giảm trong năm			
- Số cuối năm	-		
3. Quỹ đầu tư phát triển			
- Số đầu năm	55,211,624	55,211,624	-
- Số tăng trong năm		447,252,184	447,252,184
- Số giảm trong năm			-
- Số cuối năm	55,211,624	502,463,808	447,252,184
5. Quỹ dự phòng tài chính			
- Số đầu năm	314,007,014	447,252,184	133,245,170

CHỈ TIÊU	Số báo cáo QT	Số kiểm tra QT	Chênh lệch
- Số giảm trong năm		447,252,184	447,252,184
- Số cuối năm	314,007,014	-	(314,007,014)
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
- Số đầu năm			
- Số tăng trong năm			
- Số giảm trong năm			
- Số cuối năm	-	-	
III. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
1. Nguồn kinh phí	-	-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-	
C. KẾT QUẢ SXKD TRONG NĂM			
1. Tổng doanh thu & các khoản thu nhập	73,303,927,630	73,303,927,630	73,303,927,630
2. Các khoản giảm trừ	-	-	-
3. Doanh thu thuần:	73,303,927,630	73,303,927,630	-
Trong đó: - Doanh thu hoạt động SXKD	71,119,672,703	71,119,672,703	
- Doanh thu hoạt động tài chính	2,081,012,694	2,081,012,694	
- Thu nhập khác	103,242,233	103,242,233	
4. Tổng chi phí	71,423,834,288	71,507,372,409	83,538,121
+ Giá vốn hàng bán	56,685,078,943	60,602,671,093	3,917,592,150
+ Chi phí tài chính	4,392,313,453	474,721,303	(3,917,592,150)
Tr đó: Chi phí lãi vay			
+ Chi phí bán hàng	2,591,382,757	2,591,382,757	
+ Chi phí quản lý DN	7,545,187,592	7,545,187,592	
+ Chi phí khác	209,871,543	293,409,664	83,538,121
5. Lợi nhuận kế toán trước thuế	1,880,093,342	1,796,555,221	-83,538,121
Trong đó:			
- Lãi (+), lỗ (-) từ hoạt động kinh doanh	1,986,722,652	1,986,722,652	-
Trong đó: lợi nhuận do góp vốn LD			
- Lãi (+), lỗ (-) khác	(106,629,310)	(190,167,431)	(83,538,121)
* Lỗ năm trước chuyển sang được chuyển trừ thu nhập chịu thuế			
* Tổng thu nhập chịu thuế	1,880,093,342	1,880,093,342	
* Thuế thu nhập phải nộp	470,023,336	737,176,391	267,153,055
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN	1,410,070,006	1,059,378,830	(350,691,176)
- Chia lãi cho các thành viên góp vốn			
- Trả khoản lãi năm trước chưa trả			

CHỈ TIÊU	Số báo cáo QT	Số kiểm tra QT	Chênh lệch
được trừ lợi nhuận trước thuế			
- Trích Quỹ dự phòng tài chính			
- Trích lập các quỹ đặc biệt			
- Trích lập các quỹ:		966,500,000	
+ Quỹ đầu tư phát triển			
+ Quỹ thưởng Ban quản lý Cty		115,000,000	
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi		851,500,000	
- Lợi nhuận sau thuế còn lại nộp về TCTy		92,878,830	
D. CÁC KHOẢN QUAN HỆ VỚI NSNN			
1. Các khoản phải nộp NSNN:			
- Số năm trước chuyển qua: thừa (+), thiếu (-)	5,359,435,094	5,296,773,523	(62,661,571)
+ Trong đó, thuế các loại	5,359,435,094	5,296,773,523	(62,661,571)
- Phát sinh phải nộp trong năm	1,775,607,400	3,460,580,027	1,684,972,627
+ Trong đó, thuế các loại	1,775,607,400	3,460,580,027	1,684,972,627
- Đã nộp trong năm	903,324,894	903,324,894	-
+ Trong đó, thuế các loại	903,324,894	903,324,894	-
- Số chuyển sang năm sau: thừa (+), thiếu (-)	4,487,152,588	2,739,518,390	(1,747,634,198)
+ Trong đó, thuế các loại	4,487,152,588	2,739,518,390	(1,747,634,198)
2. Các khoản được NS cấp:	-		-
a) Cấp vốn lưu động	-		-
b) Cấp bù lỗ	-		-
c) Cấp vốn đầu tư XD CB	-		-
d) Cấp phát khác	-		-

II/ NHẬN XÉT QUYẾT TOÁN:

1/ Ý kiến xử lý báo cáo tài chính:

* Về doanh thu bán hàng: Công ty ghi nhận doanh thu theo tiến độ thanh toán của các khách hàng ứng trước tiền mua căn hộ và ghi nhận giá vốn tương ứng doanh thu này.

* Kèm bút toán điều chỉnh và bảng cân đối kế toán sau điều chỉnh (đính kèm).

* Quan hệ với ngân sách: Căn cứ vào quyết toán thuế của Công ty TNHH một thành viên Địa ốc Gia Định, nếu có điều chỉnh sẽ bổ sung trong niên độ sau.

* Số liệu một số chỉ tiêu trong Biên bản kiểm tra chênh lệch với báo cáo tài chính của đơn vị như sau:

- Chi phí tăng:

+ *Đ/chỉnh tăng tồn kho chung cư N.T.Hiền* 61.210.808.132 đồng

+ *Đ/chỉnh tăng tồn kho phân bổ* 898.829.211 đồng

CP đền bù dự án Hạnh Thông Tây

+ *Phạt thuế nộp bổ sung QĐ 358/QĐ-CT-TTr2* 83.538.121 đồng

+ *Phân bổ chi phí dài hạn phạt chậm nộp thuế* 1.684.972.561 đồng

theo thông báo 591/TB 07-CT-KT của Cục thuế

2/ Nhận xét báo cáo tài chính:

2.1/ Việc chấp hành luật kế toán:

- Công ty chấp hành chế độ báo cáo định kỳ đúng thời hạn, sổ sách mở đầy đủ, ghi chép rõ ràng.

- Công ty chưa xây dựng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động và viên chức quản lý. Công ty chưa xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, và quy chế quản lý tài chính, Công ty đã xây dựng quy chế quản lý nợ.

2.2/ Tình hình đối chiếu công nợ và quản lý nợ:

TK	Số dư 31/12/2013		Đối chiếu		Tỷ lệ	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
131	14.569.760	30.658.830.177	-	30.658.830.177	0,0%	100,0%
138	600.792.804	30.716.697	-	-	0,0%	0,0%
141	542.900.152	-	542.900.152	-	100,0%	0,0%
331	3.661.253.429	4.548.988.891	3.581.253.429	4.543.642.830	97,8%	99,9%
3388	-	6.880.698.502	-	-	0,0%	0,0%

Công ty không đối chiếu công nợ đầy đủ vào cuối năm. Đề nghị Công ty đối chiếu đầy đủ. Đối với khoản tạm ứng, đề nghị Công ty có biện pháp thu hồi nhanh để làm thủ tục quyết toán. Các khoản phải thu khác chủ yếu là : phải thu lương của CBCNV cũng như khoản phải trả khác là khoản phải trả cho thanh tra TP.HCM theo quyết định QĐ/QĐ-TTTP ngày 10/04/2008 và QĐ/QĐ-TTTP ngày 07/09/2009. Nên Công ty không có đối chiếu. Do Công ty không có đối chiếu công nợ đầy đủ. Vì vậy, số liệu công nợ ghi trên biên bản kiểm tra năm 2013 chỉ ghi nhận theo số Công ty báo

2.3/ Tình hình hàng tồn kho: 136.067.806.981 đồng

- Công ty có mở sổ chi tiết theo dõi, quản lý sử dụng hàng tồn kho theo quy định. Đoàn không kiểm tra thực tế, Công ty chịu trách nhiệm với số liệu thực tế phản ánh, tính chính xác kiểm kê trong báo cáo tài chính

- Đề nghị công ty rà soát những khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án hoặc có hướng xử lý, thu hồi chi phí trong trường hợp dự án hoặc công trình không tiếp tục thực hiện, tránh tình trạng để tồn đọng làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

2.4/ Tình hình quản lý sử dụng TSCĐ, vốn

a) Quản lý và sử dụng tài sản cố định:

Công ty mở sổ sách theo dõi chi tiết tài sản cố định đầy đủ. Công ty thực hiện quản lý và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cuối năm có tiến hành kiểm kê theo quy định.

Trong năm 2013 tại công ty thanh lý một số thiết bị dụng cụ quản lý trị giá 17.403.636 đồng, và xử lý giảm tài sản do chuyển sang công cụ dụng cụ (giá trị < 30 triệu đồng) là 646.379.702 đồng theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

b) Nguồn vốn:

- TK 411 Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Số dư 01/01/2013 = Số dư 31/12/2013: 37.751.269.171 đồng.

Trong đó vốn điều lệ: 36.414.000.000 đồng

- TK 414 Quỹ đầu tư phát:

Số dư 01/01/2013 : 55.211.624 đồng

Số dư 31/12/2013: 502.463.808 đồng

Tăng 447.252.184 đồng do kết chuyển từ số dư quỹ dự phòng tài chính.

- TK 415 Quỹ dự phòng tài chính đến ngày 31/12/2013: 0 đồng do kết chuyển số dư cuối kỳ về Quỹ đầu tư phát triển theo thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

2.5/ Tình hình quản lý đầu tư tài chính dài hạn:

Đầu tư tài chính dài hạn: 16.575.000.000 đồng do

Góp vốn LD vào Công ty Isuzu: 16.575.000.000 đồng

Trong năm 2013, Đầu tư tài chính dài hạn của Công Ty giảm từ 16.825 triệu đồng xuống còn 16.575 triệu đồng. Do thoái vốn tại Công ty CP Thực phẩm Gò Vấp số tiền là: 200 triệu đồng và Công ty CP Thang Máy Sài Gòn số tiền là 50 triệu đồng.

2.6/ Thu nhập của người lao động:

Căn cứ Nghị quyết 1436/NQ-HĐTV ngày 24/11/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2013 của Công ty TNHH MTV đầu tư địa ốc Gia Định.

- Quỹ lương đơn giá: 3.406 triệu đồng (lao động bình quân 38 lao động)

Thu nhập bình quân: 7,55 triệu đồng/người/tháng

- Quỹ lương viên chức quản lý: 920 triệu đồng (lao động bình quân 4 lao động).

Thu nhập bình quân: 19,56 triệu đồng/người/tháng

2.7/ Tình hình khác:

Tỷ suất lợi nhuận / Vốn chủ sở hữu: 0,05 lần

Hệ số nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu: 4.2 lần

vượt mức quy định (không quá 3 lần) tại Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ do trong tổng nợ phải trả chủ yếu có khoản tiền nhận trước của khách hàng mua nền đất, căn hộ thuộc dự án của Công ty, nhận tiền ký cược dài hạn của khách hàng: Xí Nghiệp In báo Thanh Niên. Tuy nhiên, các khoản nợ này đã được đảm bảo bằng hàng tồn kho, sản phẩm dở dang của các dự án

*** Về phân phối lợi nhuận năm 2013 :**

- Căn cứ Điều 18 Nghị định 61/2013/NĐ-CP ngày 25/06/2013 và Điều 38 Thông tư 71/2013/TT-BTC ngày 11/07/2013 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Nghị quyết số 1436/NQ-HĐTV ngày 24/11/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2013 của Công ty TNHH MTV đầu tư địa ốc Gia Định.

- Căn cứ Nghị quyết số 763/NQ-HĐTV ngày 27/06/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty về xếp loại doanh nghiệp năm 2013.

Lợi nhuận sau thuế năm 2013 của đơn vị là **1.059.378.830** đồng được phân phối như sau:

+ Trích quỹ Ban điều hành (theo quy định tại điều 18 Nghị định 61/2013/NĐ-CP ngày 25/06/2013 thưởng tối đa 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý)	115.000.000 đồng
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (theo quy định tại điều 38 của thông tư 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013, Công ty được tối đa 3 tháng lương thực hiện của người lao động)	851.500.000 đồng

3/ Các khoản mất và ứ đọng vốn: không có

Kết quả kiểm tra trên đây căn cứ vào báo cáo tài chính của Công ty. Trường hợp có các tài liệu khác liên quan đến nội dung kiểm tra nhưng Công ty không cung cấp thì Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm. Đề nghị Công ty điều chỉnh khoản phát sinh nộp ngân sách theo biên bản sau khi được ban ngành kiểm tra. Công ty tập trung nguồn thu để bù đắp khoản chi vượt quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ lương.

III/ Ý KIẾN DOANH NGHIỆP :

Biên bản được lập thành 06 bản: DN (2b); Tổng công ty (2b); Chi cục TCDN (2b)

TỔ KIỂM TRA CỦA TỔNG CÔNG TY
Các Thành viên Tổ trưởng

ĐẠI DIỆN KIỂM SOÁT VIÊN
TỔNG CÔNG TY

Nguyen Nguyen
Nguyen Luich Nguyen T. Hai Yen

Tran Th
Tran Anh Tu Nguyen Anh Thoa

Nguyen An Truong Vu Hieu Hai

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

Phó Phòng kế toán

Kế toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Tran Du Nam
Tran Du Nam

Nguyen Van Hung
Nguyen Van Hung

Nguyen Doan Son
Nguyen Doan Son



ĐẠI DIỆN CHI CỤC TCDN

Chuyên viên

Doan Thuy Hien
Doan Thuy Hien

NỢP NGÂN SÁCH 2013

Danh mục thuế	Tồn cuối kỳ Thừa (-) Thiếu (+)	Phát sinh	Đã nộp	Tồn cuối kỳ Thừa (-) Thiếu (+)
Thuế GTGT	-4,657,376,912	611,558,469	4,644,304	-4,050,462,747
- GTGT đầu vào	-4,571,117,277	611,558,469		-3,959,558,808
- GTGT đầu ra	0	0	4,644,304	-4,644,304
- GTGT đầu ra CCTC b/sg	-86,259,635	0		-86,259,635
Thuế thu nhập DN	74,143,333	799,838,027	341,296,388	532,684,972
TNDN CCTC bổ sung 2012	62,661,570	0		62,661,570
Thuế thu nhập cá nhân	65,427,591	66,888,624	64,557,856	67,758,359
Thuế môn bài	0	3,000,000	3,000,000	0
Thuế tài nguyên	0			0
Tiền sử dụng đất	-839,813,913	1,680,000	197,184,000	-1,035,317,913
Tiền thuê đất, thuế đất	94,241,808	209,104,225	209,104,225	94,241,808
Thuế khác	-96,057,000	83,538,121	83,538,121	-96,057,000
CCTC bổ sung		1,684,972,561		1,684,972,561
Phí, lệ phí & phải nộp khác	0			0
CCTC bổ sung	0			0
TỔNG CỘNG	-5,296,773,523	3,460,580,027	903,324,894	-2,739,518,390
trong đó thuế	-5,296,773,523	3,460,580,027	903,324,894	-2,739,518,390
khác	0	0	0	0
Chi cục điều chỉnh	-23,598,065	1,684,972,561	0	1,661,374,496
trong đó thuế	-23,598,065	1,684,972,561	0	1,661,374,496
khác	0	0	0	0
Báo cáo tài chính của CTY	-5,273,175,458	1,775,607,466	903,324,894	-4,400,892,886
trong đó thuế	-5,273,175,458	1,775,607,466	903,324,894	-4,400,892,886
khác	0	0	0	0

Hàng năm, thuế thu nhập cá nhân

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC GIA ĐỊNH

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ theo sổ sách 31/12/2013	Số cuối kỳ theo kiểm tra 31/12/2013	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5 = 3 - 4
A - TS NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	146,516,123,257	181,257,681,176	(34,741,557,919)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2,271,187,250	2,271,187,250	-
1. Tiền	111	2,271,187,250	2,271,187,250	-
2. Các khoản tương đương tiền	112			-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	27,523,713,936	27,523,713,936	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	27,523,713,936	27,523,713,936	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	-	-	-
III. Các khoản phải thu	130	5,359,452,052	5,039,452,052	320,000,000
1. Phải thu khách hàng	131	14,569,760	14,569,760	-
2. Trả trước cho người bán	132	3,661,253,429	3,661,253,429	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	320,000,000	-	320,000,000
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	1,363,628,863	1,363,628,863	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	73,958,169,638	136,067,806,981	(62,109,637,343)
1. Hàng tồn kho	141	73,958,169,638	136,067,806,981	(62,109,637,343)
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	37,403,600,381	10,355,520,957	27,048,079,424
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	31,230,862,568	4,182,783,144	27,048,079,424
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	3,964,203,112	3,964,203,112	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	1,217,634,549	1,217,634,549	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	990,900,152	990,900,152	-
B - TS DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	17,877,815,800	19,562,788,361	(1,684,972,561)
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ theo sổ sách 31/12/2013	Số cuối kỳ theo kiểm tra 31/12/2013	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5 = 3 - 4
II. Tài sản cố định	220	450,273,225	450,273,225	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	450,273,225	450,273,225	-
- Nguyên giá	222	3,735,707,683	3,735,707,683	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(3,285,434,458)	(3,285,434,458)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-	-
- Nguyên giá	225	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	-	-	-
- Nguyên giá	228	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	-	-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-	-
- Nguyên giá	241	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242	-	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	16,575,000,000	16,575,000,000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16,575,000,000	16,575,000,000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	-	-	-
(*)	259	-	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	852,542,575	2,537,515,136	(1,684,972,561)
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	852,542,575	2,537,515,136	(1,684,972,561)
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-	-
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270	164,393,939,057	200,820,469,537	(36,426,530,480)

0

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ theo sổ sách 31/12/2013	Số cuối kỳ theo kiểm tra 31/12/2013	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5 = 3 - 4
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300	123,877,520,718	162,566,736,558	(38,689,215,840)
I. Nợ ngắn hạn	310	39,985,907,418	78,675,123,258	(38,689,215,840)
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	-	-	-
2. Phải trả người bán	312	4,548,988,891	39,610,546,810	(35,061,557,919)
3. Người mua trả tiền trước	313	30,658,830,177	30,658,830,177	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	694,685,073	2,379,657,634	(1,684,972,561)

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ theo sổ sách 31/12/2013	Số cuối kỳ theo kiểm tra 31/12/2013	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5 = 3 - 4
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	7,365,960,654	7,615,883,842	(249,923,188)
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi & QL điều hành	323	(3,282,557,377)	(1,589,795,205)	(1,692,762,172)
12. Doanh thu chưa thực hiện	328		-	-
II. Nợ dài hạn	330	83,891,613,300	83,891,613,300	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	462,000,000	462,000,000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	83,429,613,300	83,429,613,300	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400	40,516,418,339	38,253,732,979	2,262,685,360
I. Vốn chủ sở hữu	410	40,516,418,339	38,253,732,979	2,262,685,360
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	36,414,000,000	36,414,000,000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	1,337,269,171	1,337,269,171	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	417	55,211,624	502,463,808	(447,252,184)
7. Quỹ dự phòng tài chính	418	314,007,014	-	314,007,014
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
9. Lợi nhuận chưa phân phối	420	2,395,930,530	-	2,395,930,530
10. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
11. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (430 = 300 + 400)	430	164,393,939,057	200,820,469,537	(36,426,530,480)

**BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH SỐ DƯ
ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2013**

STT	Nội dung bút toán điều chỉnh	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Tăng tồn kho chung cư Ng Thượng Hiền do:	154		61,210,808,132
	- K/C, phân bổ chi phí lãi vay từ TK 142 năm 2011		142	1,070,514,456
	- K/C, phân bổ chi phí lãi vay từ TK 142 năm 2011		142	4,102,121,828
	- K/C, phân bổ chi phí lãi vay từ TK 142 năm 2012		142	9,261,664,709
	- K/C, phân bổ chi phí lãi vay từ TK 142 năm 2013		142	7,331,355,779
	- Bổ sung chi phí thi công		331	35,061,557,919
	- K/C, phân bổ chi phí đền bù từ TK 142 năm 2013		142	4,383,593,441
2	Tăng tồn kho do phân bổ CP đền bù DA Hạnh Thông Tây	154	142	898,829,211
3	Đ/C lãi vay chung cư N.T.Hiền (TK635) vào giá vốn	421	421	3,917,592,150
4	Hủy bút toán tạm nộp LN 9 tháng đầu năm 2013	136	112	-320,000,000
	Đồng thời điều chỉnh, ghi nhận LN đã nộp về TCTY	3388	112	320,000,000
5	Bổ sung CP phân bổ dài hạn về phạt chậm nộp thuế theo	242	3339	1,684,972,561
	Thông báo số 591/TB07-CT-KT ngày 11/09/2012			
6	Phân phối lợi nhuận năm 2013	421		1,059,378,830
	- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (3 tháng lương)		353	851,500,000
	- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (1,5 tháng lương)		353	115,000,000
	- Chuyển lợi nhuận còn lại về Tổng công ty		3388	92,878,830
7	Chuyển quỹ dự phòng TC sang Quỹ Đầu tư PT	415	414	447,252,184
8	Hủy bút toán Công ty đã hạch toán nhầm	353	421	-4,100,000
9	Điều chỉnh quỹ lương theo đơn giá và lương VCQL DN	3341	3343	285,000,000
	- Lương đơn giá đã trích: 3.691 trđ, được duyệt: 3.406 trđ			
	điều chỉnh giảm là: 285 triệu đồng			
	- Lương VCQL đã trích: 635 trđ, được duyệt: 920 trđ			
	điều chỉnh tăng là: 285 triệu đồng			
	<u>Bút toán đ/c theo BBKT 2012 Công ty chưa hạch toán</u>			
	Phân phối LN năm 2012 (NQ 93/HĐTV - 24/01/2014)	421		1,332,451,700
	- Trích quỹ dự phòng tài chính		415	133,245,170
	- Trích quỹ thưởng Ban điều hành		353	36,108,109
	- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		353	686,054,063
	- Chuyển nộp LN chia theo vốn NN về TCTy		3388	477,044,358
	Thuế phải nộp b/sung QĐ 358/QĐ-CT-TTr2 ngày 31/01/13 (Công ty đã hạch toán)			350,691,176

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TCTY ĐỊA ỐC SÀI GÒN- TNHH MTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

BIÊN BẢN KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

Đơn vị chủ trì: **TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN- TNHH MTV**

Đơn vị được kiểm tra: **CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC GIA ĐỊNH**

1/ Tổ chuyên viên kiểm tra:

Đại diện Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn

Ông Nguyễn An Trường

Chức vụ : Kế toán trưởng Tổng công ty

Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh

Chức vụ : Phó Phòng Kế toán

Bà Huỳnh Thị Hải Yến

Chức vụ : Phó Phòng Kế toán

Ông Võ Hữu Hải

Chức vụ : Kiểm soát viên

Bà Trần Anh Tú

Chức vụ : Phó Chánh Văn phòng

Bà Nguyễn Thị Anh Thoa

Chức vụ : Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh

Đại diện Chi cục Tài chính Doanh nghiệp TPHCM phối hợp kiểm tra

Bà Đoàn Thúy Hiền

Chức vụ : Chuyên viên P.Công nghiệp-XD-Giao thông

2/ Đại diện Doanh nghiệp:

Ông Nguyễn Doãn Sơn

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hùng

Chức vụ : Kế toán trưởng

Ông Trần Du Nam

Chức vụ : Phó Phòng Kế toán

Nội dung và phạm vi kiểm tra:

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2013 do Công ty TNHH MTV Đầu tư địa ốc Gia Định lập ngày 15/03/2014 và các tài liệu có liên quan do Công ty cung cấp.

- Căn cứ Báo cáo kiểm toán năm 2013 số 1112760/AISC-DN3 do Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin Học TP.HCM lập ngày 20/04/2014.

Giới hạn kiểm tra:

- Tổ kiểm tra không chứng kiến kiểm kê tiền, tài sản, hàng tồn kho, các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31/12/2013; không thực hiện đối chiếu xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả; không xác minh tính hợp pháp của hóa đơn, chứng từ kế toán; không xác minh tính thực tế của các thông tin khác liên quan đến Báo cáo tài chính; không kiểm tra Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- Tổ kiểm tra chỉ thực hiện kiểm tra chọn mẫu, căn cứ số liệu Báo cáo tài chính, sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ do đơn vị cung cấp tại thời điểm kiểm tra. Các chỉ tiêu, số liệu tài chính không được kiểm tra: ghi nhận theo báo cáo tài chính của đơn vị.

I. SỐ KIỂM TRA QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Số báo cáo QT	Số kiểm tra QT	Chênh lệch
A. TÀI SẢN			
I. Tài sản ngắn hạn	146,516,123,257	181,257,681,176	34,741,557,919
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	5,359,452,052	5,039,452,052	(320,000,000)
(Tổng số chưa trừ dự phòng)	5,359,452,052	5,039,452,052	(320,000,000)
- Đã dự phòng nợ khó đòi (*)	-	-	-
2. Hàng tồn kho	73,958,169,638	136,067,806,981	62,109,637,343
(Tổng số chưa trừ dự phòng)	73,958,169,638	136,067,806,981	62,109,637,343
- Đã dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-	-
II. Tài sản dài hạn	17,877,815,800	19,562,788,361	1,684,972,561
1. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
(Tổng số chưa trừ dự phòng)	-	-	-
- Đã dự phòng nợ khó đòi (*)	-	-	-
2. Nguyên giá TSCĐ			-
- Số đầu năm	4,399,491,021	4,399,491,021	-
- Số tăng trong năm			-
- Số giảm trong năm	663,783,338	663,783,338	-
- Số cuối kỳ	3,735,707,683	3,735,707,683	-
3. Hao mòn TSCĐ			-
- Số đầu năm	3,676,824,152	3,676,824,152	-
- Số tăng trong năm	272,393,644	272,393,644	-
- Số giảm trong năm	663,783,338	663,783,338	-
- Số cuối kỳ	3,285,434,458	3,285,434,458	-
4. Chi phí XDCB dở dang	-	-	-
5. Bất động sản đầu tư	-	-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-	-
6. Các khoản đầu tư TC dài hạn	16,575,000,000	16,575,000,000	-
(Tổng số chưa trừ dự phòng)	16,575,000,000	16,575,000,000	-
- Đã dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	0	0	-
B. NGUỒN VỐN (I + II)			
I. Nợ phải trả	123,877,520,718	162,566,736,558	38,689,215,840
1. Nợ ngắn hạn	39,985,907,418	78,675,123,258	38,689,215,840
Trong đó:			
1.1. Vay và nợ ngắn hạn:	-		
Trong đó: Vay nước ngoài:			

CHỈ TIÊU	Số báo cáo QT	Số kiểm tra QT	Chênh lệch
1.2. Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn	-		
1.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
- Số đầu năm	(2,030,799,077)	(1,184,708,235)	846,090,842
- Số tăng trong năm		851,500,000	851,500,000
- Số giảm trong năm	1,116,945,300	1,116,945,300	-
- Số cuối năm	(3,147,744,377)	(1,450,153,535)	1,697,590,842
1.4. Quỹ thưởng Ban điều hành			
- Số đầu năm	58,533,779	(65,394,891)	(123,928,670)
- Số tăng trong năm		115,000,000	115,000,000
- Số giảm trong năm	193,346,779	193,346,779	-
- Số cuối năm	(134,813,000)	(143,741,670)	(8,928,670)
2. Nợ dài hạn	83,891,613,300	83,891,613,300	
Trong đó:			
1.1. Vay và nợ dài hạn:	83,429,613,300	83,429,613,300	-
Trong đó: Vay nước ngoài:			
1.2. Dự phòng nợ phải trả dài hạn	-		
1.3. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm			
II. Vốn chủ sở hữu			
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Số đầu năm	37,751,269,171	37,751,269,171	-
- Số tăng trong năm			-
- Số giảm trong năm			-
- Số cuối năm	37,751,269,171	37,751,269,171	-
Trong đó: Vốn điều lệ	36,414,000,000	36,414,000,000	-
2. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
- Số đầu năm			
- Số tăng trong năm			
- Số giảm trong năm			
- Số cuối năm	-		
3. Quỹ đầu tư phát triển			
- Số đầu năm	55,211,624	55,211,624	-
- Số tăng trong năm		447,252,184	447,252,184
- Số giảm trong năm			-
- Số cuối năm	55,211,624	502,463,808	447,252,184
5. Quỹ dự phòng tài chính			
- Số đầu năm	314,007,014	447,252,184	133,245,170
- Số tăng trong năm			

CHỈ TIÊU	Số báo cáo QT	Số kiểm tra QT	Chênh lệch
- Số giảm trong năm		447,252,184	447,252,184
- Số cuối năm	314,007,014	-	(314,007,014)
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
- Số đầu năm			
- Số tăng trong năm			
- Số giảm trong năm			
- Số cuối năm	-	-	
III. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
1. Nguồn kinh phí	-	-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-	
C. KẾT QUẢ SXKD TRONG NĂM			
1. Tổng doanh thu & các khoản thu nhập	73,303,927,630	73,303,927,630	73,303,927,630
2. Các khoản giảm trừ	-	-	-
3. Doanh thu thuần:	73,303,927,630	73,303,927,630	-
Trong đó: - Doanh thu hoạt động SXKD	71,119,672,703	71,119,672,703	
- Doanh thu hoạt động tài chính	2,081,012,694	2,081,012,694	
- Thu nhập khác	103,242,233	103,242,233	
4. Tổng chi phí	71,423,834,288	71,507,372,409	83,538,121
+ Giá vốn hàng bán	56,685,078,943	60,602,671,093	3,917,592,150
+ Chi phí tài chính	4,392,313,453	474,721,303	(3,917,592,150)
Tr đó: Chi phí lãi vay			
+ Chi phí bán hàng	2,591,382,757	2,591,382,757	
+ Chi phí quản lý DN	7,545,187,592	7,545,187,592	
+ Chi phí khác	209,871,543	293,409,664	83,538,121
5. Lợi nhuận kế toán trước thuế	1,880,093,342	1,796,555,221	-83,538,121
Trong đó:			
- Lãi (+), lỗ (-) từ hoạt động kinh doanh	1,986,722,652	1,986,722,652	-
Trong đó: lợi nhuận do góp vốn LD			
- Lãi (+), lỗ (-) khác	(106,629,310)	(190,167,431)	(83,538,121)
* Lỗ năm trước chuyển sang được chuyển trừ thu nhập chịu thuế			
* Tổng thu nhập chịu thuế	1,880,093,342	1,880,093,342	
* Thuế thu nhập phải nộp	470,023,336	737,176,391	267,153,055
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN	1,410,070,006	1,059,378,830	(350,691,176)
- Chia lãi cho các thành viên góp vốn			
- Bù khoản lỗ các năm trước đã hết thời hạn			

CHỈ TIÊU	Số báo cáo QT	Số kiểm tra QT	Chênh lệch
được trừ lợi nhuận trước thuế			
- Trích Quỹ dự phòng tài chính			
- Trích lập các quỹ đặc biệt			
- Trích lập các quỹ:		966,500,000	
+ Quỹ đầu tư phát triển			
+ Quỹ thưởng Ban quản lý Cty		115,000,000	
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi		851,500,000	
- Lợi nhuận sau thuế còn lại nộp về TCTy		92,878,830	
D. CÁC KHOẢN QUAN HỆ VỚI NSNN			
1. Các khoản phải nộp NSNN:			
- Số năm trước chuyển qua: thừa (+), thiếu (-)	5,359,435,094	5,296,773,523	(62,661,571)
+ Trong đó, thuế các loại	5,359,435,094	5,296,773,523	(62,661,571)
- Phát sinh phải nộp trong năm	1,775,607,400	3,460,580,027	1,684,972,627
+ Trong đó, thuế các loại	1,775,607,400	3,460,580,027	1,684,972,627
- Đã nộp trong năm	903,324,894	903,324,894	-
+ Trong đó, thuế các loại	903,324,894	903,324,894	-
- Số chuyển sang năm sau: thừa (+), thiếu (-)	4,487,152,588	2,739,518,390	(1,747,634,198)
+ Trong đó, thuế các loại	4,487,152,588	2,739,518,390	(1,747,634,198)
2. Các khoản được NS cấp:	-		-
a) Cấp vốn lưu động	-		-
b) Cấp bù lỗ	-		-
c) Cấp vốn đầu tư XD CB	-		-
d) Cấp phát khác	-		-

II/ NHẬN XÉT QUYẾT TOÁN:

1/ Ý kiến xử lý báo cáo tài chính:

* Về doanh thu bán hàng: Công ty ghi nhận doanh thu theo tiến độ thanh toán của các khách hàng ứng trước tiền mua căn hộ và ghi nhận giá vốn tương ứng doanh thu này.

* Kèm bút toán điều chỉnh và bảng cân đối kế toán sau điều chỉnh (đính kèm).

* Quan hệ với ngân sách: Căn cứ vào quyết toán thuế của Công ty TNHH một thành viên Địa ốc Gia Định, nếu có điều chỉnh sẽ bổ sung trong niên độ sau.

* Số liệu một số chỉ tiêu trong Biên bản kiểm tra chênh lệch với báo cáo tài chính của đơn vị như sau:

- Chi phí tăng:

+ *Đ/chỉnh tăng tồn kho chung cư N.T.Hiền* 61.210.808.132 đồng

+ *Đ/chỉnh tăng tồn kho phân bổ* 898.829.211 đồng

CP đền bù dự án Hạnh Thông Tây

+ *Phạt thuế nộp bổ sung QĐ 358/QĐ-CT-TTr2* 83.538.121 đồng

+ *Phân bổ chi phí dài hạn phạt chậm nộp thuế* 1.684.972.561 đồng

theo thông báo 591/TB 07-CT-KT của Cục thuế

2/ Nhận xét báo cáo tài chính:

2.1/ Việc chấp hành luật kế toán:

- Công ty chấp hành chế độ báo cáo định kỳ đúng thời hạn, sổ sách mở đầy đủ, ghi chép rõ ràng.

- Công ty chưa xây dựng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động và viên chức quản lý. Công ty chưa xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, và quy chế quản lý tài chính, Công ty đã xây dựng quy chế quản lý nợ.

2.2/ Tình hình đối chiếu công nợ và quản lý nợ:

TK	Số dư 31/12/2013		Đối chiếu		Tỷ lệ	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
131	14.569.760	30.658.830.177	-	30.658.830.177	0,0%	100,0%
138	600.792.804	30.716.697	-	-	0,0%	0,0%
141	542.900.152	-	542.900.152	-	100,0%	0,0%
331	3.661.253.429	4.548.988.891	3.581.253.429	4.543.642.830	97,8%	99,9%
3388	-	6.880.698.502	-	-	0,0%	0,0%

Công ty không đối chiếu công nợ đầy đủ vào cuối năm. Đề nghị Công ty đối chiếu đầy đủ. Đối với khoản tạm ứng, đề nghị Công ty có biện pháp thu hồi nhanh để làm thủ tục quyết toán. Các khoản phải thu khác chủ yếu là : phải thu lương của CBCNV cũng như khoản phải trả khác là khoản phải trả cho thanh tra TP.HCM theo quyết định QĐ/QĐ-TTTP ngày 10/04/2008 và QĐ/QĐ-TTTP ngày 07/09/2009. Nên Công ty không có đối chiếu. Do Công ty không có đối chiếu công nợ đầy đủ. Vì vậy, số liệu công nợ ghi trên biên bản kiểm tra năm 2013 chỉ ghi nhận theo số Công ty báo cáo. Nếu có sai biệt giữa sổ sách và thực tế, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm.

2.3/ Tình hình hàng tồn kho: 136.067.806.981 đồng

- Công ty có mở sổ chi tiết theo dõi, quản lý sử dụng hàng tồn kho theo quy định. Đoàn không kiểm tra thực tế, Công ty chịu trách nhiệm với số liệu thực tế phản ánh, tính chính xác kiểm kê trong báo cáo tài chính

- Đề nghị công ty rà soát những khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án hoặc có hướng xử lý, thu hồi chi phí trong trường hợp dự án hoặc công trình không tiếp tục thực hiện, tránh tình trạng để tồn đọng làm ăn khoản lỗ trong báo cáo tài chính.

2.4/ Tình hình quản lý sử dụng TSCĐ, vốn

a) Quản lý và sử dụng tài sản cố định:

Công ty mở sổ sách theo dõi chi tiết tài sản cố định đầy đủ. Công ty thực hiện quản lý và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cuối năm có tiến hành kiểm kê theo quy định.

Trong năm 2013 tại công ty thanh lý một số thiết bị dụng cụ quản lý trị giá 17.403.636 đồng, và xử lý giảm tài sản do chuyển sang công cụ dụng cụ (giá trị < 30 triệu đồng) là 646.379.702 đồng theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

b) Nguồn vốn:

- TK 411 Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Số dư 01/01/2013 = Số dư 31/12/2013: 37.751.269.171 đồng.

Trong đó vốn điều lệ: 36.414.000.000 đồng

- TK 414 Quỹ đầu tư phát:

Số dư 01/01/2013 : 55.211.624 đồng

Số dư 31/12/2013: 502.463.808 đồng

Tăng 447.252.184 đồng do kết chuyển từ số dư quỹ dự phòng tài chính.

- TK 415 Quỹ dự phòng tài chính đến ngày 31/12/2013: 0 đồng do kết chuyển số dư cuối kỳ về Quỹ đầu tư phát triển theo thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

2.5/ Tình hình quản lý đầu tư tài chính dài hạn:

Đầu tư tài chính dài hạn: 16.575.000.000 đồng do

Góp vốn LD vào Công ty Isuzu: 16.575.000.000 đồng

Trong năm 2013, Đầu tư tài chính dài hạn của Công Ty giảm từ 16.825 triệu đồng xuống còn 16.575 triệu đồng. Do thoái vốn tại Công ty CP Thực phẩm Gò Vấp số tiền là: 200 triệu đồng và Công ty CP Thương Mách Sài Gòn số tiền là 50 triệu đồng.

2.6/ Thu nhập của người lao động:

Căn cứ Nghị quyết 1436/NQ-HĐTV ngày 24/11/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2013 của Công ty TNHH MTV đầu tư địa ốc Gia Định.

- Quỹ lương đơn giá: 3.406 triệu đồng (lao động bình quân 38 lao động)

Thu nhập bình quân: 7,55 triệu đồng/người/tháng

- Quỹ lương viên chức quản lý: 920 triệu đồng (lao động bình quân 4 lao động).

Thu nhập bình quân: 19,56 triệu đồng/người/tháng

2.7/ Tình hình khác:

Tỷ suất lợi nhuận / Vốn chủ sở hữu: 0,05 lần

Hệ số nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu: 4.2 lần

vượt mức quy định (không quá 3 lần) tại Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ do trong tổng nợ phải trả chủ yếu có khoản tiền nhận trước của khách hàng mua nền đất, căn hộ thuộc dự án của Công ty, nhận tiền ký cược dài hạn của khách hàng: Xí Nghiệp In báo Thanh Niên. Tuy nhiên, các khoản nợ này đã được đảm bảo bằng hàng tồn kho, sản phẩm dở dang của các dự án

*** Về phân phối lợi nhuận năm 2013 :**

- Căn cứ Điều 18 Nghị định 61/2013/NĐ-CP ngày 25/06/2013 và Điều 38 Thông tư 71/2013/TT-BTC ngày 11/07/2013 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Nghị quyết số 1436/NQ-HĐTV ngày 24/11/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2013 của Công ty TNHH MTV đầu tư địa ốc Gia Định.

- Căn cứ Nghị quyết số 763/NQ-HĐTV ngày 27/06/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty về xếp loại doanh nghiệp năm 2013.

Lợi nhuận sau thuế năm 2013 của đơn vị là **1.059.378.830** đồng được phân phối như sau:

+ Trích quỹ Ban điều hành (theo quy định tại điều 18 Nghị định 61/2013/NĐ-CP ngày 25/06/2013 thưởng tối đa 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý)	115.000.000 đồng
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (theo quy định tại điều 38 của thông tư 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013, Công ty được tối đa 3 tháng lương thực hiện của người lao động)	851.500.000 đồng

3/ Các khoản mất và ứ đọng vốn: không có

Kết quả kiểm tra trên đây căn cứ vào báo cáo tài chính của Công ty. Trường hợp có các tài liệu khác liên quan đến nội dung kiểm tra nhưng Công ty không cung cấp thì Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm. Đề nghị Công ty điều chỉnh khoản phát sinh nộp ngân sách theo biên bản sau khi được ban ngành kiểm tra. Công ty tập trung nguồn thu để bù đắp khoản chi vượt quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ lương.

III/ Ý KIẾN DOANH NGHIỆP :

Biên bản được lập thành 06 bản: DN (2b); Tổng công ty (2b); Chi cục TCDN (2b)

TỔ KIỂM TRA CỦA TỔNG CÔNG TY
Các Thành viên Tổ trưởng

ĐẠI DIỆN KIỂM SOÁT VIÊN
TỔNG CÔNG TY

Nguyen

Ngọc Linh

Nguyen

Nguyễn T. Hải Yến

Nguyen

Kuhsae

Tran
Trần Anh Tú

Th

Nguyễn Anh Thoa

Nguyễn An Cường

Võ Hải Hải

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

Phó Phòng kế toán

Kế toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Tran

Trần Du Nam

Hul

Nguyễn Văn Hùng



Nguyễn Doãn Sơn

ĐẠI DIỆN CHI CỤC TCDN

Chuyên viên

Th

Đoàn Thúy Hiền

NỘP NGÂN SÁCH 2013

Danh mục thuế	Tồn cuối kỳ Thừa (-) Thiếu (+)	Phát sinh	Đã nộp	Tồn cuối kỳ Thừa (-) Thiếu (+)
Thuế GTGT	-4,657,376,912	611,558,469	4,644,304	-4,050,462,747
- GTGT đầu vào	-4,571,117,277	611,558,469		-3,959,558,808
- GTGT đầu ra	0	0	4,644,304	-4,644,304
- GTGT đầu ra CCTC b/sg	-86,259,635	0		-86,259,635
Thuế thu nhập DN	74,143,333	799,838,027	341,296,388	532,684,972
TNDN CCTC bổ sung 2012	62,661,570	0		62,661,570
Thuế thu nhập cá nhân	65,427,591	66,888,624	64,557,856	67,758,359
Thuế môn bài	0	3,000,000	3,000,000	0
Thuế tài nguyên	0			0
Tiền sử dụng đất	-839,813,913	1,680,000	197,184,000	-1,035,317,913
Tiền thuê đất, thuế đất	94,241,808	209,104,225	209,104,225	94,241,808
Thuế khác	-96,057,000	83,538,121	83,538,121	-96,057,000
CCTC bổ sung		1,684,972,561		1,684,972,561
Phí, lệ phí & phải nộp khác	0			0
CCTC bổ sung	0			0
TỔNG CỘNG	-5,296,773,523	3,460,580,027	903,324,894	-2,739,518,390
trong đó thuế	-5,296,773,523	3,460,580,027	903,324,894	-2,739,518,390
khác	0	0	0	0
Chi cục điều chỉnh	-23,598,065	1,684,972,561	0	1,661,374,496
trong đó thuế	-23,598,065	1,684,972,561	0	1,661,374,496
khác	0	0	0	0
Báo cáo tài chính của CTY	-5,273,175,458	1,775,607,466	903,324,894	-4,400,892,886
trong đó thuế	-5,273,175,458	1,775,607,466	903,324,894	-4,400,892,886
khác	0	0	0	0

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC GIA ĐỊNH

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ theo sổ sách 31/12/2013	Số cuối kỳ theo kiểm tra 31/12/2013	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5 = 3 - 4
A - TS NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	146,516,123,257	181,257,681,176	(34,741,557,919)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2,271,187,250	2,271,187,250	-
1. Tiền	111	2,271,187,250	2,271,187,250	-
2. Các khoản tương đương tiền	112			-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	27,523,713,936	27,523,713,936	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	27,523,713,936	27,523,713,936	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	-	-	-
III. Các khoản phải thu	130	5,359,452,052	5,039,452,052	320,000,000
1. Phải thu khách hàng	131	14,569,760	14,569,760	-
2. Trả trước cho người bán	132	3,661,253,429	3,661,253,429	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	320,000,000	-	320,000,000
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	1,363,628,863	1,363,628,863	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	73,958,169,638	136,067,806,981	(62,109,637,343)
1. Hàng tồn kho	141	73,958,169,638	136,067,806,981	(62,109,637,343)
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	37,403,600,381	10,355,520,957	27,048,079,424
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	31,230,862,568	4,182,783,144	27,048,079,424
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	3,964,203,112	3,964,203,112	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	1,217,634,549	1,217,634,549	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	990,900,152	990,900,152	-
B - TS DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	17,877,815,800	19,562,788,361	(1,684,972,561)
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	219			

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ theo sổ sách 31/12/2013	Số cuối kỳ theo kiểm tra 31/12/2013	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5 = 3 - 4
II. Tài sản cố định	220	450,273,225	450,273,225	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	450,273,225	450,273,225	-
- Nguyên giá	222	3,735,707,683	3,735,707,683	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(3,285,434,458)	(3,285,434,458)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-	-
- Nguyên giá	225	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	-	-	-
- Nguyên giá	228	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	-	-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-	-
- Nguyên giá	241	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242	-	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	16,575,000,000	16,575,000,000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16,575,000,000	16,575,000,000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	-	-	-
(*)	259	-	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	852,542,575	2,537,515,136	(1,684,972,561)
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	852,542,575	2,537,515,136	(1,684,972,561)
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-	-
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270	164,393,939,057	200,820,469,537	(36,426,530,480)

0

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ theo sổ sách 31/12/2013	Số cuối kỳ theo kiểm tra 31/12/2013	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5 = 3 - 4
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300	123,877,520,718	162,566,736,558	(38,689,215,840)
I. Nợ ngắn hạn	310	39,985,907,418	78,675,123,258	(38,689,215,840)
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	-	-	-
2. Phải trả người bán	312	4,548,988,891	39,610,546,810	(35,061,557,919)
3. Người mua trả tiền trước	313	30,658,830,177	30,658,830,177	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	694,685,073	2,379,657,634	(1,684,972,561)

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ theo sổ sách 31/12/2013	Số cuối kỳ theo kiểm tra 31/12/2013	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5 = 3 - 4
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	7,365,960,654	7,615,883,842	(249,923,188)
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi & QL điều hành	323	(3,282,557,377)	(1,589,795,205)	(1,692,762,172)
12. Doanh thu chưa thực hiện	328		-	-
II. Nợ dài hạn	330	83,891,613,300	83,891,613,300	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	462,000,000	462,000,000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	83,429,613,300	83,429,613,300	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400	40,516,418,339	38,253,732,979	2,262,685,360
I. Vốn chủ sở hữu	410	40,516,418,339	38,253,732,979	2,262,685,360
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	36,414,000,000	36,414,000,000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	1,337,269,171	1,337,269,171	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	417	55,211,624	502,463,808	(447,252,184)
7. Quỹ dự phòng tài chính	418	314,007,014	-	314,007,014
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
9. Lợi nhuận chưa phân phối	420	2,395,930,530	-	2,395,930,530
10. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
11. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (430 = 300 + 400)	430	164,393,939,057	200,820,469,537	(36,426,530,480)

**BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH SỐ DƯ
ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2013**

STT	Nội dung bút toán điều chỉnh	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Tăng tồn kho chung cư Ng Thượng Hiền do:	154		61,210,808,132
	- K/C, phân bổ chi phí lãi vay từ TK 142 năm 2011		142	1,070,514,456
	- K/C, phân bổ chi phí lãi vay từ TK 142 năm 2011		142	4,102,121,828
	- K/C, phân bổ chi phí lãi vay từ TK 142 năm 2012		142	9,261,664,709
	- K/C, phân bổ chi phí lãi vay từ TK 142 năm 2013		142	7,331,355,779
	- Bổ sung chi phí thi công		331	35,061,557,919
	- K/C, phân bổ chi phí đền bù từ TK 142 năm 2013		142	4,383,593,441
2	Tăng tồn kho do phân bổ CP đền bù DA Hạnh Thông Tây	154	142	898,829,211
3	Đ/C lãi vay chung cư N.T.Hiền (TK635) vào giá vốn	421	421	3,917,592,150
4	Hủy bút toán tạm nộp LN 9 tháng đầu năm 2013	136	112	-320,000,000
	Đồng thời điều chỉnh, ghi nhận LN đã nộp về TCTY	3388	112	320,000,000
5	Bổ sung CP phân bổ dài hạn về phạt chậm nộp thuế theo	242	3339	1,684,972,561
	Thông báo số 591/TB07-CT-KT ngày 11/09/2012			
6	Phân phối lợi nhuận năm 2013	421		1,059,378,830
	- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (3 tháng lương)		353	851,500,000
	- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (1,5 tháng lương)		353	115,000,000
	- Chuyển lợi nhuận còn lại về Tổng công ty		3388	92,878,830
7	Chuyển quỹ dự phòng TC sang Quỹ Đầu tư PT	415	414	447,252,184
8	Hủy bút toán Công ty đã hạch toán nhầm	353	421	-4,100,000
	Bút toán đ/c theo BBKT 2012 Công ty chưa hạch toán			
	Phân phối LN năm 2012 (NQ 93/HĐTV - 24/01/2014)	421		1,332,451,700
	- Trích quỹ dự phòng tài chính		415	133,245,170
	- Trích quỹ thưởng Ban điều hành		353	36,108,109
	- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		353	686,054,063
	- Chuyển nộp LN chia theo vốn NN về TCTy		3388	477,044,358
	Thuế phải nộp b/sung QĐ 358/QĐ-CT-TTr2 ngày 31/01/13 (Công ty đã hạch toán)			350,691,176
	- Phạt			83,538,121

**BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH SỐ DƯ
ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2013**

STT	Nội dung bút toán điều chỉnh	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Tăng tồn kho chung cư Ng Thượng Hiền do:	154		61,210,808,132
	- K/C, phân bổ chi phí lãi vay từ TK 142 năm 2011		142	1,070,514,456
	- K/C, phân bổ chi phí lãi vay từ TK 142 năm 2011		142	4,102,121,828
	- K/C, phân bổ chi phí lãi vay từ TK 142 năm 2012		142	9,261,664,709
	- K/C, phân bổ chi phí lãi vay từ TK 142 năm 2013		142	7,331,355,779
	- Bổ sung chi phí thi công		331	35,061,557,919
	- K/C, phân bổ chi phí đền bù từ TK 142 năm 2013		142	4,383,593,441
2	Tăng tồn kho do phân bổ CP đền bù DA Hạnh Thông Tây	154	142	898,829,211
3	Đ/C lãi vay chung cư N.T.Hiền (TK635) vào giá vốn	421	421	3,917,592,150
4	Hủy bút toán tạm nộp LN 9 tháng đầu năm 2013	136	112	-320,000,000
	Đồng thời điều chỉnh, ghi nhận LN đã nộp về TCTY	3388	112	320,000,000
5	Bổ sung CP phân bổ dài hạn về phạt chậm nộp thuế theo	242	3339	1,684,972,561
	Thông báo số 591/TB07-CT-KT ngày 11/09/2012			
6	Phân phối lợi nhuận năm 2013	421		1,059,378,830
	- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (3 tháng lương)		353	851,500,000
	- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (1,5 tháng lương)		353	115,000,000
	- Chuyển lợi nhuận còn lại về Tổng công ty		3388	92,878,830
7	Chuyển quỹ dự phòng TC sang Quỹ Đầu tư PT	415	414	447,252,184
8	Hủy bút toán Công ty đã hạch toán nhầm	353	421	-4,100,000
9	Điều chỉnh quỹ lương theo đơn giá và lương VCQL DN	3341	3343	285,000,000
	- Lương đơn giá đã trích: 3.691 trđ, được duyệt: 3.406 trđ			
	điều chỉnh giảm là: 285 triệu đồng			
	- Lương VCQL đã trích: 635 trđ, được duyệt: 920 trđ			
	điều chỉnh tăng là: 285 triệu đồng			
	Bút toán đ/c theo BBKT 2012 Công ty chưa hạch toán			
	Phân phối LN năm 2012 (NQ 93/HĐTV - 24/01/2014)	421		1,332,451,700
	- Trích quỹ dự phòng tài chính		415	133,245,170
	- Trích quỹ thưởng Ban điều hành		353	36,108,109
	- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		353	686,054,063
	- Chuyển nộp LN chia theo vốn NN về TCTy		3388	477,044,358
	Thuế phải nộp b/sung QĐ 358/QĐ-CT-TTr2 ngày 31/01/13 (Công ty đã hạch toán)			350,691,176
	- Phạt			83,538,121